

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2024/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 119/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo các định mức chi theo quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích áp dụng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

STT	Chức danh	Đơn vị tính	Định mức (Nghìn đồng)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Người/ tháng	28.000
2	Thư ký khoa học	Người/ tháng	8.400
3	Thành viên chính	Người/ tháng	22.400
4	Thành viên	Người/ tháng	11.200
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Người/ tháng	5.600

b) Dự toán chi thù lao cho từng chức danh được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

2. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

a) Chi hội nghị, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
1	Người chủ trì	Người/ buổi	1.000
2	Thư ký	Người/ buổi	350
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Người/ báo cáo	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Người/ báo cáo	750
5	Thành viên tham gia hội thảo	Người/ buổi	210

3. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại thứ tự số 3 điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 4. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.260
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người	1.000
-	Thư ký khoa học	Người	300
-	Thư ký hành chính	Người	300
-	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	350
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng	Người	500
-	Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng	Người	350
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.260
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người	1.050
-	Thư ký khoa học	Người	300
-	Thư ký hành chính	Người	300
-	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu	500
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	01 phiếu	700
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng	Người	1.260
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người	1.050
-	Thư ký khoa học	Người	300
-	Thư ký hành chính	Người	300
-	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu nhận xét đánh giá	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu	500
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	01 phiếu	700
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.050

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại thứ tự số 3 điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	nhiệm vụ	700
2	Thành viên tổ thẩm định	nhiệm vụ	500
3	Thư ký hành chính	nhiệm vụ	300
4	Đại biểu được mời tham dự	nhiệm vụ	200

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN: Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng, do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định, chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017; Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ): Áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại thứ tự số 3 điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 5. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quy định tại Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ: Mức chi bằng 60% mức chi đối với các nội dung chi tương ứng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này; các nội dung chi khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế: Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Hg, 185b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Minh Xuân